

# Scanneuron-Forte

## THÀNH PHẦN

Mỗi viên nén bao phim chứa:

Thiamin nitrat (vitamin B <sub>1</sub> )	250 mg
Pyridoxin hydroclorid (vitamin B <sub>6</sub> )	250 mg
Cyanocobalamin (vitamin B <sub>12</sub> )	1000 mcg
Tá dược vừa đủ	1 viên

(Manitol, tinh bột mì, tinh bột natri glycolat, povidon K30, magnesi stearat, opadry hồng)

## MÔ TẢ

Viên nén tròn, bao phim màu hồng, hai mặt khum-tròn.

## DƯỢC LỰC HỌC

Scanneuron-Forte là sự kết hợp ở liều cao của các vitamin hướng thần kinh. Thuốc được chọn lựa để duy trì khả năng chịu đựng của cơ thể trong suốt thời gian bệnh và làm việc quá sức về thể chất lẫn tinh thần.

- Vitamin B<sub>1</sub> cần thiết cho quá trình chuyển hóa carbohydrat. Thiếu hụt vitamin B<sub>1</sub> gây ra bệnh beri-beri và hội chứng bệnh não Wernicke. Các cơ quan chính bị ảnh hưởng do thiếu hụt thiamin là hệ thần kinh ngoại biên, hệ tim mạch và hệ tiêu hóa.
- Vitamin B<sub>6</sub> được biến đổi nhanh thành coenzym pyridoxal phosphat và pyridoxamin phosphat, đóng vai trò thiết yếu trong quá trình chuyển hóa protein. Trẻ thiếu vitamin B<sub>6</sub> sẽ có khả năng bị co giật và thiếu máu nhược sắc.
- Vitamin B<sub>12</sub> cần thiết cho quá trình tổng hợp nucleoprotein và myelin, tái tạo tế bào, tăng trưởng và duy trì quá trình tạo hồng cầu bình thường. Vitamin B<sub>12</sub> có thể chuyển hóa thành coenzym B<sub>12</sub> trong mô, những chất này cần thiết cho việc chuyển hóa methylmalonat thành succinat và tổng hợp methionin từ homocystein. Khi không có coenzym B<sub>12</sub>, tetrahydrofolat không thể tái sinh từ dạng dự trữ không có hoạt tính là 5-methyl tetrahydrofolat, dẫn đến thiếu hụt folat có chức năng. Thiếu hụt vitamin B<sub>12</sub> dẫn đến thiếu máu hồng cầu to, tổn thương hệ tiêu hóa và phá hủy hệ thần kinh trước hết là bất hoạt việc tạo myelin, tiếp theo là thoái hóa dần sợi trục thần kinh và đầu dây thần kinh.

## DƯỢC ĐỘNG HỌC

- Vitamin B<sub>1</sub> hấp thu qua đường tiêu hóa. Thuốc phân bố rộng rãi trong hầu hết các mô của cơ thể và hiện diện trong sữa mẹ. Trong tế bào, thiamin hiện diện chủ yếu dưới dạng diphosphat. Vitamin B<sub>1</sub> không được dự trữ trong cơ thể dưới bất kỳ dạng đáng kể nào, lượng vượt quá nhu cầu cơ thể được thải trừ qua nước tiểu dưới dạng không đổi hoặc dưới dạng chất chuyển hóa.
- Vitamin B<sub>6</sub> hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa sau khi uống và được biến đổi thành dạng có hoạt tính là pyridoxal phosphat. Những chất này được dự trữ chủ yếu trong gan, nơi có sự oxy hóa tạo thành acid 4-pyridoxic và các chất chuyển hóa không hoạt tính khác được thải trừ qua nước tiểu. Khi tăng liều dùng, lượng lớn hơn tương ứng sẽ được đào thải qua nước tiểu dưới dạng không biến đổi. Pyridoxal qua được nhau thai và phân bố vào sữa mẹ.
- Vitamin B<sub>12</sub> liên kết với yếu tố nội tại, một glycoprotein được tiết bởi niêm mạc dạ dày và sau đó được hấp thu tích cực qua đường tiêu hóa. Vitamin B<sub>12</sub> gắn kết nhiều với các protein huyết tương chuyên biệt được gọi là các transcobalamin; transcobalamin (II) tham gia vào quá trình vận chuyển nhanh các cobalamin đến các mô. Vitamin B<sub>12</sub> được dự trữ trong gan, thải trừ qua mật và trải qua chu trình gan ruột nhiều; một phần của liều dùng được thải trừ qua nước tiểu, hầu hết trong 8 giờ đầu. Vitamin B<sub>12</sub> qua được nhau thai và hiện diện trong sữa mẹ.

## CHỈ ĐỊNH

Điều trị hỗ trợ các rối loạn về hệ thần kinh như đau dây thần kinh, viêm dây thần kinh ngoại biên, viêm dây thần kinh mắt, viêm dây thần kinh do tiểu đường và do rượu, viêm đa dây thần kinh, dị cảm, đau thần kinh tọa và co giật do tăng tính dễ kích thích của hệ thần kinh trung ương.

## LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

Scanneuron-Forte được dùng bằng đường uống.

Uống 1 viên/ngày hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ.

## CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Quá mẫn với vitamin B<sub>1</sub>, vitamin B<sub>6</sub>, cobalamin (vitamin B<sub>12</sub> và các chất liên quan) và bất kỳ thành phần nào của thuốc.
- U ác tính: do vitamin B<sub>12</sub> có liên quan đến sự phát triển của các mô có tốc độ sinh trưởng cao, nên có nguy cơ thúc đẩy sự tiến triển của các khối u này.
- Bệnh nhân có cơ địa dị ứng (hen suyễn, eczema).

## THẬN TRỌNG

- Hiệu quả và tính an toàn trên trẻ em chưa được đánh giá.
- Sau thời gian dài dùng vitamin B<sub>6</sub> với liều 200 mg/ngày, có thể đã thấy biểu hiện độc tính thần kinh (như bệnh thần kinh ngoại vi nặng và bệnh thần kinh cảm giác nặng). Dùng liều 200 mg mỗi ngày, kéo dài trên 30 ngày có thể gây hội chứng lệ thuộc vitamin B<sub>6</sub>.
- Không nên dùng vitamin B<sub>12</sub> cho bệnh nhân bị nghi ngờ thiếu vitamin B<sub>12</sub> mà không được chẩn đoán trước.

## TƯƠNG TÁC THUỐC

- Vitamin B<sub>1</sub>: Vitamin B<sub>1</sub> làm tăng tác dụng của các thuốc ức chế thần kinh cơ.
- Vitamin B<sub>6</sub>:
  - + Vitamin B<sub>6</sub> làm giảm hiệu quả của levodopa nhưng tương tác này sẽ không xảy ra nếu dùng kèm một chất ức chế men dopa decarboxylase.
  - + Vitamin B<sub>6</sub> làm giảm hoạt tính của altretamin, làm giảm nồng độ phenobarbital và phenytoin trong huyết thanh.
  - + Nhiều thuốc có thể làm tăng nhu cầu vitamin B<sub>6</sub> như hydralazin, isoniazid, penicillamin và các thuốc tránh thai đường uống.
- Vitamin B<sub>12</sub>:
  - + Sự hấp thu vitamin B<sub>12</sub> qua đường tiêu hóa có thể bị giảm do neomycin, acid aminosalicylic, các thuốc kháng histamin H<sub>2</sub> và colchicin.
  - + Nồng độ vitamin B<sub>12</sub> trong huyết thanh có thể giảm khi dùng chung với các thuốc tránh thai đường uống.

## PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Nên thận trọng khi dùng thuốc trong thời kỳ mang thai, đặc biệt là trong 3 tháng đầu của thai kỳ. Liều cao của vitamin B<sub>6</sub> có thể ức chế sự tiết prolactin và nên thận trọng khi dùng cho phụ nữ cho con bú.

## ẢNH HƯỞNG TRÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa rõ.

## TÁC DỤNG PHỤ

- Vitamin B<sub>1</sub>: Hiếm gặp tác dụng phụ của vitamin B<sub>1</sub>, nhưng phản ứng quá mẫn xảy ra chủ yếu ở dạng tiêm.
- Vitamin B<sub>6</sub>: Dùng liều vitamin B<sub>6</sub> trong thời gian dài (200 mg/ngày trên 2 tháng) liên quan đến sự tiến triển bệnh thần kinh ngoại vi nặng. Hiếm gặp: buồn nôn và nôn.
- Vitamin B<sub>12</sub>: Hiếm gặp các tác dụng ngoại vi như phản vệ, sốt, phản ứng dạng trứng cá, nổi mề đay, ngứa, đỏ da.

## QUẢ LIỀU

Bệnh nhân dùng vitamin B<sub>6</sub> liều cao 2-7 g/ngày (hoặc trên 0.2 g/ngày trong hơn hai tháng) làm tiến triển bệnh thần kinh giác quan kèm các triệu chứng mất điều hòa và tê công chân tay. Các triệu chứng này sẽ giảm bớt sau trong 6 tháng khi ngưng sử dụng vitamin B<sub>6</sub>.

**BẢO QUẢN** : Trong bao bì kín, nơi khô, tránh ánh sáng. Nhiệt độ không quá 30°C.

**HẠN DÙNG** : 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**ĐỒNG GÓI** : Ví 10 viên. Hộp 2 vi.  
Ví 10 viên. Hộp 4 vi.  
Ví 10 viên. Hộp 10 vi.  
Chai 100 viên. Hộp 1 chai.

**TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG**: Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

*Để xa tầm tay trẻ em  
Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng  
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng  
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ  
Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn  
gặp phải khi sử dụng thuốc*

Ngày duyệt lại nội dung: 28/07/2014

Nhà sản xuất:

STADA

CÔNG TY TNHH LD STADA-VIỆT NAM

K63/1 Nguyễn Thị Sóc, Ấp Mỹ Hòa 2,  
Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn,  
Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam  
ĐT: (+84) 8 37181154-37182141 • Fax: (+84) 8 37182140



PHÓ CỤC TRƯỞNG  
*Nguyễn Việt Hùng*



KT TỔNG GIÁM ĐỐC  
P. TỔNG GIÁM ĐỐC

DS. Phan Huy

